

**QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỒ CHỨA NƯỚC ĐẮK NUI 3,
XÃ HỒ MOONG, HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Cơ sở pháp lý

1. Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
2. Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;
3. Luật Thủy lợi số ngày 19 tháng 6 năm 2017;
4. Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật tài nguyên nước;
5. Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai;
6. Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;
7. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
8. Các Tiêu chuẩn, Quy phạm hiện hành: Tiêu chuẩn TCVN 8414-2010: Công trình thủy lợi - Quy trình quản lý vận hành, khai thác và kiểm tra hồ chứa nước; Tiêu chuẩn TCVN 8304:2009: Quy phạm công tác thủy văn trong hệ thống thủy nông và các Tiêu chuẩn, Quy phạm khác có liên quan tới công trình thủy công của hồ chứa nước.

Điều 2. Nguyên tắc vận hành

Việc vận hành hồ chứa nước Đăk Nui 3 phải đảm bảo:

1. An toàn công trình theo chỉ tiêu phòng chống lũ với tần suất lũ thiết kế $P = 1,5\%$ tương ứng với mực nước cao nhất là $H = 692,11\text{m}$; tần suất lũ kiểm tra $P = 0,5\%$ tương ứng với mực nước cao nhất là $H = 692,17\text{m}$.

2. Phát huy hiệu quả của công trình theo nhiệm vụ thiết kế được duyệt, gồm: Đảm bảo cung cấp nước tưới cho 51ha lúa 2 vụ và giảm lũ cho vùng hạ lưu công trình.

3. Trong mùa lũ, khi xuất hiện các tình huống đặc biệt chưa được quy định trong Quy trình này, việc vận hành hồ chứa Đăk Nui 3 theo sự chỉ đạo, điều hành thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Thông số chính của hồ chứa

1. Cấp công trình và các chỉ tiêu thiết kế:

- Cấp công trình theo QCVN 04-05: 012: Cấp III
- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Tần suất lũ thiết kế: $P = 1,5\%$
- Tần suất lũ kiểm tra $P = 0,5\%$
- Mức đảm bảo tưới $P = 85\%$
- Thuộc loại hồ chứa lớn theo Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ

2. Thông số kỹ thuật chính của hồ chứa:

TT	Thông số - Hạng mục	ĐVT	Giá trị
I	Hồ chứa		
1	Diện tích lưu vực	km ²	1,55
2	Dung tích toàn bộ (V_{tb})	triệu m ³	0,635
3	Dung tích hữu ích (V_h)	triệu m ³	0,596
4	Dung tích chết (V_c)	triệu m ³	0,039
5	Cao trình MNDBT	m	691,04
6	Cao trình MNC	m	681,00
7	Diện tích mặt hồ ~ MNDBT	ha	10,51
II	Đập đất		
1	Chiều dài đỉnh đập	m	275,0
2	Bề rộng đỉnh đập	m	6,0
3	Chiều cao đập (H_{max})	m	18,0
4	Hệ số mái đập: $m_t - m_h$		3,0-3,25
5	Cao trình đỉnh đập	m	692,3
III	Tràn xả lũ		
1	Bề rộng ngưỡng tràn	m	6,0
2	Bề rộng ngưỡng tràn (<i>cả trụ pin</i>)	m	8,6
3	Chiều dài dốc tràn	m	87,0
4	Cao trình ngưỡng tràn	m	691,04

5	Cột nước tràn (H_{tr})	m	1,11
6	Lưu lượng tháo ($Q_{xá}$)	m^3/s	14,05
IV	Công lấy nước đầu mối		
1	Khẩu độ công	mm	D470
2	Cao trình đáy công cửa vào	m	680,0
3	Lưu lượng thiết kế $Q_{y/c}$	m^3/s	0,12

Điều 4. Quy định về mùa lũ, mùa kiệt

Mùa lũ, mùa kiệt trong Quy trình này được quy định như sau:

- Mùa lũ bắt đầu từ 01/7 đến 30/11 hàng năm.
- Mùa kiệt bắt đầu từ 01/12 đến 30/6 năm sau.

CHƯƠNG II VẬN HÀNH HỒ CHỨA TRONG MÙA LŨ

Điều 5. Nguyên tắc vận hành hồ Đăk Nui 3 trong mùa lũ

Trước mùa lũ hàng năm, Ban Quản lý khai thác các Công trình thủy lợi tỉnh có trách nhiệm:

1. Tổ chức kiểm tra hồ chứa trước mùa lũ đúng với Quy định hiện hành, phát hiện, xử lý kịp thời những hư hỏng, đảm bảo công trình vận hành an toàn trong mùa mưa lũ (*thời gian thực hiện kiểm tra công trình vào tháng 4 trước lũ và tháng 12 sau lũ theo quy định tại mục 4.2.2 - TCVN 8414:2010*).

2. Căn cứ vào dự báo khí tượng thủy văn trước mùa lũ hàng năm và Quy trình này để lập kế hoạch tích, xả nước cụ thể làm cơ sở vận hành hồ chứa, đảm bảo an toàn công trình và tích đủ nước phục vụ các nhu cầu dùng nước, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Lập và rà soát, điều chỉnh, bổ sung phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp.

Điều 6. Mục nước hồ trong mùa lũ

1. Mục nước đón lũ ở cuối các tháng trong mùa lũ bằng cao trình ngưỡng tràn tự do và bằng mục nước dâng bình thường 691,04m.

2. Mục nước lớn nhất thiết kế MNLNTK 692,11m.

3. Mục nước lớn nhất kiểm tra MNLNKT 692,17m.

Điều 7. Vận hành xả lũ trong trường hợp bình thường

1. Căn cứ vào biểu đồ điều phối và điều kiện thời tiết hàng năm, Ban Quản lý khai thác các Công trình thủy lợi tỉnh linh hoạt điều tiết mục nước hồ chứa phải thấp hơn hoặc bằng tung độ "Đường phòng phá hoại" trên biểu đồ điều phối (*phụ*

lục số III.1) để bảo đảm an toàn công trình và giảm thiểu ngập lụt cho vùng hạ du hồ chứa.

2. Khi mực nước hồ đến giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 6, Ban Quản lý khai thác các Công trình thủy tinh có trách nhiệm thực hiện:

- Căn cứ vào diễn biến tình hình khí tượng thủy văn, hiện trạng các hạng mục công trình đầu mối, vùng hạ du hồ chứa nước và Quy trình vận hành hồ chứa nước để có đánh giá do lũ qua tràn ảnh hưởng đến hạ du.

- Trực lũ 24/24 và thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên cho Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (PCTT và TKCN) huyện Sa Thầy, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh về diễn biến mực nước hồ chứa để kịp thời nắm bắt, lên phương án đảm bảo an toàn cho công trình và hạ du công trình.

- Thông báo Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy; Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện Sa Thầy, Ủy ban nhân dân xã Hơ Moong để phổ biến đến nhân dân vùng hạ du và các cơ quan liên quan về việc dự kiến lưu lượng lũ qua tràn và mực nước dâng ở hạ lưu nhằm đảm bảo an toàn cho người, tài sản vùng hạ du đập khi lũ qua tràn.

Điều 8. Vận hành xả lũ trong trường hợp khẩn cấp

Trong mùa lũ, khi mực nước hồ đạt cao trình +692.11m (*mực nước lũ thiết kế*) và đang lên, Ban Quản lý khai thác các Công trình thủy tinh phải thông báo Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy biết để triển khai ngay các biện pháp đảm bảo an toàn cho người, tài sản của người dân vùng hạ du hồ chứa. Đồng thời, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định.

Điều 9. Thông báo trước khi vận hành xả lũ

1. Trước khi xả lũ, Ban Quản lý khai thác các Công trình thủy tinh phải:

- Thông báo cho Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện Sa Thầy, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; Hình thức thông báo bằng Fax, email, điện thoại . . .

- Thông báo bằng loa phóng thanh, còi . . . để đảm bảo an toàn cho người dân phía hạ du hồ chứa;

- Thời gian thông báo ít nhất trước 15 phút;

2. Chế độ cảnh báo trước khi xả lũ:

- Hiệu lệnh bắt đầu có lũ qua tràn: kéo 2 hồi còi mỗi hồi dài 20 giây, cách nhau 10 giây.

- Hiệu lệnh xả lũ ứng với cấp báo động cấp 1: kéo 3 hồi còi mỗi hồi dài 20 giây, cách nhau 10 giây. Hiệu lệnh thực hiện khi mực nước lũ qua tràn $H_{tr} = 1,07m$ (bằng MNLNTK 692,11m). Đây là hiệu lệnh cảnh báo lũ để chính quyền địa

phương thực hiện các biện pháp bảo vệ tính mạng và tài sản Nhân dân vùng hạ du đập dọc theo tuyến thoát lũ.

- Hiệu lệnh xả lũ ứng với cấp báo động cấp 2: kéo 4 hồi còi , mỗi hồi dài 20 giây, cách nhau 10 giây. Hiệu lệnh thực hiện khi mực nước lũ qua tràn: $1,07m < H_{tr} < 1,13m$ (MNLNTK: 692.11 m < MNL < MNLNKT: 692,17m). Đây là hiệu lệnh cảnh báo lũ để chuẩn bị phương án di dời con người và tài sản vùng hạ du đập theo phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó tình huống khẩn cấp cho khu vực nằm phía hạ du đập được cấp có thẩm phê duyệt.

- Hiệu lệnh xả lũ ứng với cấp báo động cấp 3: kéo 5 hồi còi, mỗi hồi dài 20 giây, cách nhau 10 giây. Hiệu lệnh thực hiện khi mực nước lũ qua tràn $H_{tr} = 1,13m$ (bằng MNLNKT: 692,17m). Đây là hiệu lệnh cảnh báo lũ khẩn cấp có nguy cơ vỡ đập cần phải tổ chức thực hiện ngay phương án di dời con người và tài sản vùng hạ du đập theo phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó tình huống khẩn cấp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

CHƯƠNG III VẬN HÀNH ĐIỀU TIẾT TRONG MÙA KIẾT

Điều 10. Điều tiết giữ mực nước hồ trong mùa kiệt

1. Trước mùa kiệt hàng năm, Ban Quản lý khai thác các Công trình thủy tinh căn cứ vào lượng nước trữ trong hồ, dự báo khí tượng thủy văn và nhu cầu dùng nước để lập phương án cấp nước trong mùa kiệt, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thông báo cho chính quyền địa phương và đối tượng sử dụng nước biết.

2. Trong quá trình vận hành điều tiết, mực nước hồ chứa phải cao hơn hoặc bằng tung độ "Đường hạn chế cấp nước" trên biểu đồ điều phối (*phụ lục số III.1*)

3. Mực nước hồ thấp nhất ở cuối các tháng trong mùa kiệt được giữ như sau:

Thời gian (ngày/tháng)	31/12	31/01	28/02	31/3	30/4
Mực nước thấp nhất (m)	689,77	688,08	685,47	681,18	681,00
Dung tích hồ (triệu m ³)	0,508	0,342	0,146	0,017	0,008
Cột nước so với đáy cống (m)	9,77	8,08	5,47	1,18	1

Điều 11. Vận hành cấp nước

1. Trường hợp bình thường:

Khi mực nước hồ cao hơn hoặc bằng tung độ "Đường hạn chế cấp nước" Ban Quản lý khai thác các Công trình thủy tinh đảm bảo cung cấp đủ nước cho các nhu cầu dùng nước theo kế hoạch cấp nước.

2. Trường hợp đặc biệt:

- Khi mực nước hồ thấp hơn tung độ "Đường hạn chế cấp nước" và cao hơn mực nước chết, Ban Quản lý khai thác các Công trình thủy tinh và các hộ dùng nước phải thực hiện các biện pháp cấp nước và sử dụng nước tiết kiệm, hạn chế trường hợp thiếu nước vào cuối mùa kiệt.

- Khi mực nước hồ bằng hoặc thấp hơn mực nước chết +681,00m, Ban Quản lý khai thác các Công trình thủy tinh có trách nhiệm lập phương án, kế hoạch sử dụng dung tích chết, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định và tổ chức thực hiện.

CHƯƠNG IV

VẬN HÀNH ĐIỀU TIẾT KHI HỒ CHỨA CÓ SỰ CỐ

Điều 12. Khi công trình đầu mối của hồ chứa (đập chính, tràn xả lũ, cống lấy nước) có dấu hiệu xảy ra sự cố gây mất an toàn cho công trình, Ban Quản lý khai thác các Công trình thủy tinh triển khai ngay biện pháp khắc phục nhằm hạn chế thiệt hại do sự cố gây ra, đồng thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biện pháp xử lý để đảm bảo an toàn công trình.

Điều 13. Khi kênh dẫn vào tràn xả lũ, cửa cống lấy nước bị sạt lở, bồi lấp hoặc có sự cố không vận hành được, Ban Quản lý khai thác các Công trình thủy tinh triển khai ngay biện pháp xử lý, khắc phục và đồng thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định biện pháp xử lý để đảm bảo an toàn công trình.

Điều 14. Trường hợp xuất hiện các sự cố khẩn cấp có nguy cơ vỡ đập, Ban Quản lý khai thác các Công trình thủy tinh triển khai ngay biện pháp khắc phục nhằm hạn chế thiệt hại do sự cố gây ra đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy, Ban chỉ huy PCTT và TKCN huyện Sa Thầy để chỉ đạo việc triển khai phương án bảo vệ vùng hạ du hồ chứa và phương án khắc phục hậu quả. Thông báo cho chính quyền địa phương và đối tượng sử dụng nước biết để có biện pháp sử dụng nước trong thời gian khắc phục sự cố.

CHƯƠNG V

QUAN TRẮC CÁC YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Điều 15. Trách nhiệm quan trắc, dự báo và cung cấp thông tin

1. Ban Quản lý khai thác các Công trình thủy tinh có trách nhiệm tổ chức quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập, lưu lượng lũ qua tràn (Lưu lượng

lũ, thời gian lũ, diễn biến mực nước thượng lưu, ảnh hưởng đối với vùng hạ du...).

2. Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thủy lợi, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh và cập nhật lên trang thông tin điện tử thuyloivietnam.vn theo quy định.

3. Phương thức cung cấp thông tin, dữ liệu: Thực hiện gửi qua địa chỉ Email

Điều 16. Chế độ quan trắc

Thời gian quan trắc mực nước hồ như sau:

- Mùa kiệt: Quan trắc 2 lần một ngày vào 07 giờ, 19 giờ;
- Mùa lũ: 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ;
- Khi mực nước hồ bằng hoặc cao hơn ngưỡng tràn: 1 giờ 01 lần;
- Khi mực nước hồ trên mực nước lũ thiết kế: 1 giờ 04 lần.

CHƯƠNG VI TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

Điều 17. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum

- Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa nước Đăk Nui 3; chỉ đạo việc đảm bảo an toàn, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp khi xảy ra tình huống như quy định tại khoản 2 Điều 4; Điều 8; Điều 12 và Điều 13 của Quy trình này;

- Chỉ đạo Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Ban Quản lý khai thác các công trình thủy lợi tỉnh; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Ngành, các cấp thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ khi xảy ra tình huống quy định tại Điều 8, Điều 12; Điều 13 và Điều 14 của Quy trình này;

- Công bố công khai Quy trình vận hành hồ chứa nước Đăk Nui 3.

- Xử lý hoặc ủy quyền xử lý các hành vi ngăn cản việc thực hiện hoặc vi phạm các quy định của Quy trình này theo thẩm quyền.

- Huy động nhân lực, vật lực để xử lý và khắc phục các sự cố.

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương.

Điều 18. Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy

- Thực hiện phương án đảm bảo an toàn cho vùng hạ du khi hồ chứa xả lũ và trường hợp xảy ra sự cố.

- Huy động nhân lực, vật lực, phối hợp với Ban Quản lý khai thác các công trình thủy lợi tỉnh để phòng, chống lụt, bão, bảo vệ và xử lý sự cố công trình.

- Tuyên truyền, vận động nhân dân địa phương thực hiện đúng các quy định trong Quy trình và tham gia bảo vệ an toàn công trình hồ chứa nước Đăk Nui 3.

Điều 19. Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

- Tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa lũ, quyết định phương án điều tiết, ban hành lệnh vận hành hồ chứa nước Đăk Nui 3.

- Quyết định vận hành xả lũ khẩn cấp. Báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương.

Điều 20. Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện Sa Thầy

- Tổ chức huy động nhân lực, vật lực để phối hợp cùng Ban Quản lý khai thác các công trình thủy lợi tỉnh thực hiện công tác phòng, chống lụt, bão và xử lý khi xảy ra sự cố công trình.

- Tuyên truyền, vận động nhân dân địa phương thực hiện đúng các quy định trong Quy trình và tham gia bảo vệ an toàn công trình hồ chứa nước Đăk Nui 3.

Điều 21. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

- Chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, giám sát Ban Quản lý khai thác các công trình thủy lợi tỉnh thực hiện đúng quy trình đặc biệt là việc vận hành tràn xả lũ.

- Báo cáo kết quả tổng hợp thực hiện quy trình vận hành hồ chứa nước Đăk Nui 3 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Quy trình theo thẩm quyền.

- Công bố Quy trình vận hành được phê duyệt trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Quy trình theo thẩm quyền quy định.

- Theo dõi, chỉ đạo việc thực hiện cấp nước trong mùa kiệt của hồ chứa nước Đăk Nui 3 nêu tại Điều 10 và Điều 11 của Quy trình.

Điều 22. Ban Quản lý Khai thác các Công trình thủy lợi tỉnh

- Nghiêm chỉnh vận hành theo đúng quy trình và theo quy định tại Điều 27, 28 và 45 Luật Thủy lợi và khoản 3 Điều 53 Luật Tài nguyên nước.

- Hoạt động vận hành hồ chứa nước Đăk Nui 3 phải ghi chép vào nhật ký vận hành.

- Định kỳ 5 năm phải rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Quy trình vận hành báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Định kỳ 5 năm hoặc khi quy trình vận hành không còn phù hợp có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành, trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Điều tiết cấp nước khi mực nước hồ thấp hơn tung độ "Đường hạn chế cấp nước" trên biểu đồ điều phối và cao hơn mực nước chết đồng thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, chỉ đạo.

- Điều tiết cấp nước khi mực nước hồ thấp hơn mực nước chết theo phương án, kế hoạch sử dụng dung tích chết được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp thuận.

- Kịp thời báo cáo và thực hiện các quyết định của Ban chỉ huy PCTT và TKCN, Ủy ban nhân dân tỉnh khi xảy ra tình huống như quy định Điều 8; Điều 13 Điều 14 của Quy trình.

- Công bố Quy trình vận hành được phê duyệt trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Ban Quản lý khai thác các công trình thủy lợi tỉnh.

- Lập biên bản xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý kịp thời các hành vi ngăn cản, xâm hại đến việc thực hiện Quy trình.

- Đề nghị các cấp chính quyền, các ngành có liên quan giải quyết và phối hợp giải quyết các phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy trình.

Điều 23. Các tổ chức cá nhân hưởng lợi

- Nghiêm chỉnh thực hiện Quy trình.

- Hàng năm, phải ký hợp đồng với Ban Quản lý khai thác các công trình thủy lợi tỉnh để Ban Quản lý khai thác các công trình thủy lợi tỉnh lập kế hoạch cấp nước, xả nước hợp lý, đảm bảo hiệu quả kinh tế và an toàn công trình.

- Thực hiện đúng các quy định có liên quan tại Luật Thủy lợi và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến việc quản lý, vận hành, khai thác và bảo vệ công trình hồ chứa nước Đăk Nui 3.

CHƯƠNG VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Quy trình có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Quy trình sẽ được khen thưởng theo quy định. Mọi hành vi vi phạm Quy trình sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Quy trình

Trong quá trình thực hiện Quy trình nếu có nội dung cần sửa đổi, bổ sung Ban Quản lý khai thác các công trình thủy lợi tỉnh tổng hợp, báo cáo Sở Nông

nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum
xem xét quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tháp

PHỤ LỤC
KÈM THEO QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỒ CHỨA NƯỚC ĐẮK NUI 3,
XÃ HỒ MOONG, HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM

PHỤ LỤC I
GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ HỒ CHỨA NƯỚC ĐẮK NUI 3

1. Nhiệm vụ công trình:

- Theo thiết kế công trình có nhiệm vụ tưới cho 51ha lúa 2 vụ và điều tiết giảm lũ cho vùng hạ lưu công trình.

- Theo thực tế của công trình là 37,09ha trong đó lúa 2 vụ là 10ha, cây công nghiệp là 7ha và 20,09ha cây trồng khác (Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của UBND tỉnh Kon Tum); điều tiết lũ cho vùng hạ du.

2. Thành phần công trình:

- Đập đất
- Tràn xả lũ
- Công lấy nước đầu mối
- Hệ thống kênh và công trình trên kênh

3. Cấp công trình đầu mối:

- Cấp III (Theo QCVN 04:05)
- Loại công trình: Công trình nông nghiệp và PTNT
- Thuộc loại hồ chứa lớn (Hđ=18m >15m theo Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018)
- Tần suất lũ thiết kế: P = 1,5%
- Tần suất lũ kiểm tra P = 0,5%
- Mức đảm bảo tưới P = 85%.

4. Các thông số kỹ thuật chính của công trình:

TT	Thông số - Hạng mục	ĐVT	Thiết kế	Cập nhật (*)	Ghi chú
I	Hồ chứa				
1	Diện tích lưu vực	km ²	1,55	1,55	
2	Dung tích toàn bộ (Vtb)	triệu m ³	0,635	0,688	+0,053
3	Dung tích hữu ích (Vh)	triệu m ³	0,596	0,68	+064
4	Dung tích chết (Vc)	triệu m ³	0,039	0,008	-0,031
5	Cao trình MNDBT	m	691,04	691,04	
6	Cao trình MNC	m	681,00	681,00	
7	Diện tích mặt hồ ~ MNDBT	ha	10,51	13,91	+3,4

TT	Thông số - Hạng mục	ĐVT	Thiết kế	Cập nhật (*)	Ghi chú
8	Diện tích mặt hồ ~ MNC	ha	2,17	1,053	-1,117
II	Đập đất				
1	Chiều dài đỉnh đập	m	275,0	275,0	
2	Bề rộng đỉnh đập	m	6,0	6,0	
3	Chiều cao đập (Hmax)	m	18,0	18,0	
4	Hệ số mái đập: $m_t - m_h$		3,0-3,25; 2,75	3,0-3,25; 2,75	
5	Cao trình đỉnh đập	m	692,30	692,30	
III	Tràn xả lũ				
	- Bề rộng ngưỡng tràn (Btr tràn nước)	m	6,0	6,0	
	- Bề rộng ngưỡng tràn (cả trụ pin)	m	8,6	8,6	
	- Chiều dài dốc tràn	m	87,0	87,0	
	- Cao trình ngưỡng tràn	m	691,04	691,04	
	- Cột nước tràn ứng với tần suất thiết kế (Htk)	m	1,11	1,07	
	- Lưu lượng xả lũ ứng với tần suất thiết kế (Qtk)	m ³ /s	14,05	11,336	
	- Cột nước tràn ứng với tần suất kiểm tra (Htk)	m		1,13	
	- Lưu lượng xả lũ ứng với tần suất kiểm tra (Qtk)	m ³ /s		12,446	
IV	Cống lấy nước đầu mối				
1	Khẩu độ cống	mm	D470	D470	
2	Cao trình đáy cống cửa vào	m	680.00	680.00	
3	Lưu lượng thiết kế Qy/c	m ³ /s	0,12	0,12	

PHỤ LỤC II
NHỮNG CĂN CỨ ĐỂ LẬP QUY TRÌNH VẬN HÀNH
HỒ CHỨA NƯỚC ĐẮK NUI 3

1. Các văn bản pháp quy:

Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;

Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật tài nguyên nước;

Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai;

Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Các Tiêu chuẩn, Quy phạm hiện hành: Tiêu chuẩn TCVN 8414-2010: Công trình thủy lợi - Quy trình quản lý vận hành, khai thác và kiểm tra hồ chứa nước; Tiêu chuẩn TCVN 8304:2009: Quy phạm công tác thủy văn trong hệ thống thủy nông và các Tiêu chuẩn, Quy phạm khác có liên quan tới công trình thủy công của hồ chứa nước.

2. Các tài liệu, số liệu khí tượng thủy văn:

- Các tài liệu khí tượng thủy văn dùng trong thiết kế hồ chứa nước Đăk Nui 3;

- Số liệu trạm thủy văn Sa Thầy;

- Các tài liệu quan trắc mực nước hồ, ...

3. Mục tiêu và yêu cầu:

- Lập quy trình vận hành hồ chứa nước Đăk Nui 3 để làm cơ sở quản lý, vận hành, khai thác công trình nhằm đảm bảo an toàn cho công trình trong mùa mưa lũ, khi công trình có sự cố và đảm bảo đáp ứng tốt các nhiệm vụ của công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Về phòng chống lũ: Phải đảm bảo an toàn cho công trình theo tần suất lũ thiết kế $P = 1,5\%$ và lũ kiểm tra $P = 0,5\%$.

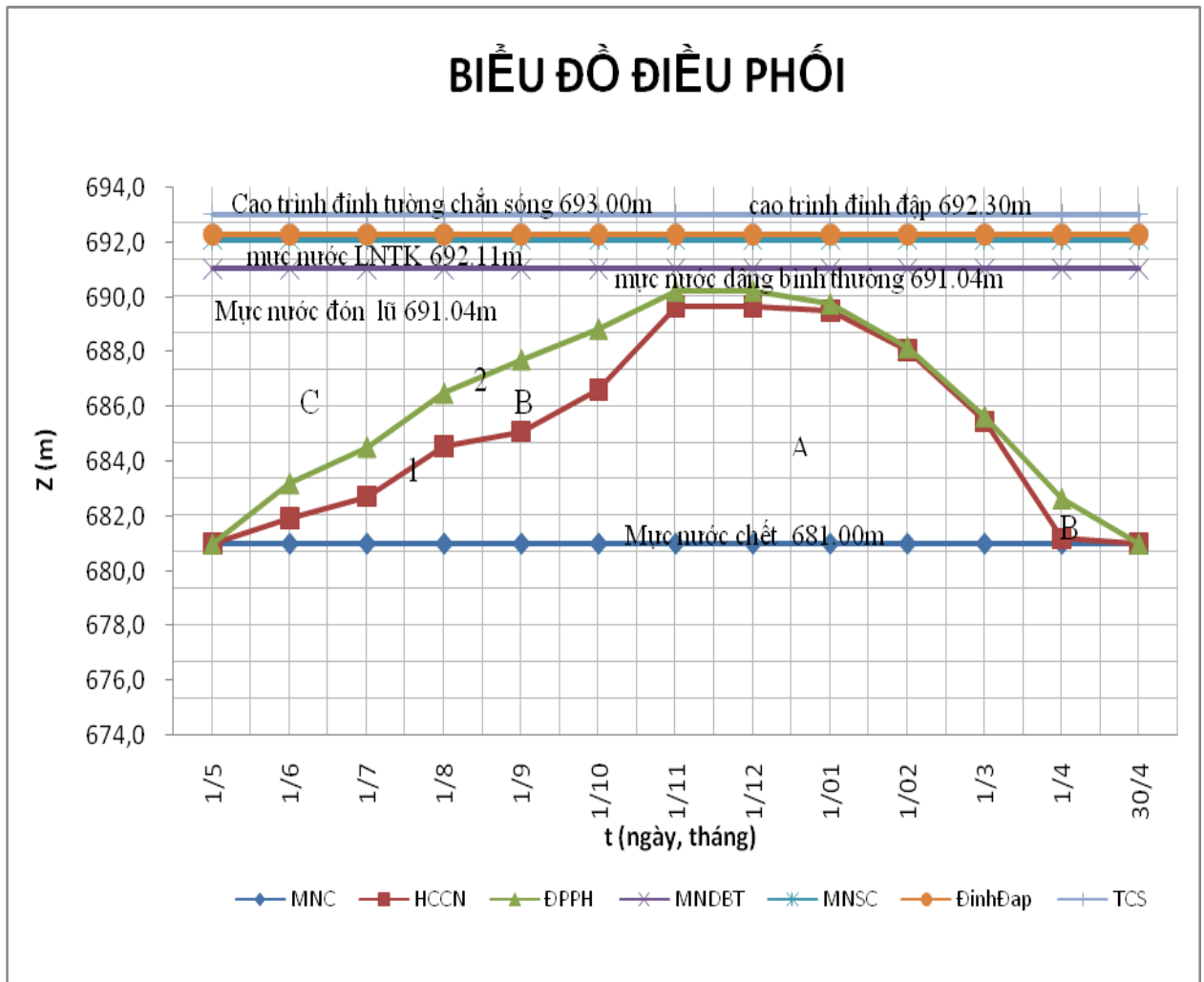
- Về cấp nước: Đảm bảo cấp đủ nước theo các nhiệm vụ thiết kế được duyệt.

PHỤ LỤC III

CÁC BIỂU ĐỒ, BẢNG TRA

- Phụ lục III.1 Biểu đồ điều phối hồ chứa nước
- Phụ lục III.2 Bảng tra và biểu đồ quan hệ mực nước, dung tích hồ
- Phụ lục III.3 Bảng tra và biểu đồ quan hệ mực nước, lưu lượng tràn xả lũ
- Phụ lục III.4 Bảng tra và biểu đồ quan hệ mực nước, lưu lượng cống lấy nước đầu mối

PHỤ LỤC III.1
BIỂU ĐỒ ĐIỀU PHỐI HỒ CHỨA



Ghi chú:

- [1] Đường hạn chế cấp nước
- [2] Đường phòng phá hoại
- A Vùng hạn chế cấp nước
- B Vùng cấp nước bình thường
- C Vùng cấp nước gia tăng

BẢNG TUNG ĐỘ CÁC ĐƯỜNG [1], [2]

Ngày/Tháng	1/5	1/6	1/7	1/8	1/9	1/10
Đường phòng phá hoại (m)	681,00	683,21	684,54	686,51	687,73	688,86
Đường hạn chế cấp nước (m)	681,00	681,93	682,73	684,55	685,10	686,62

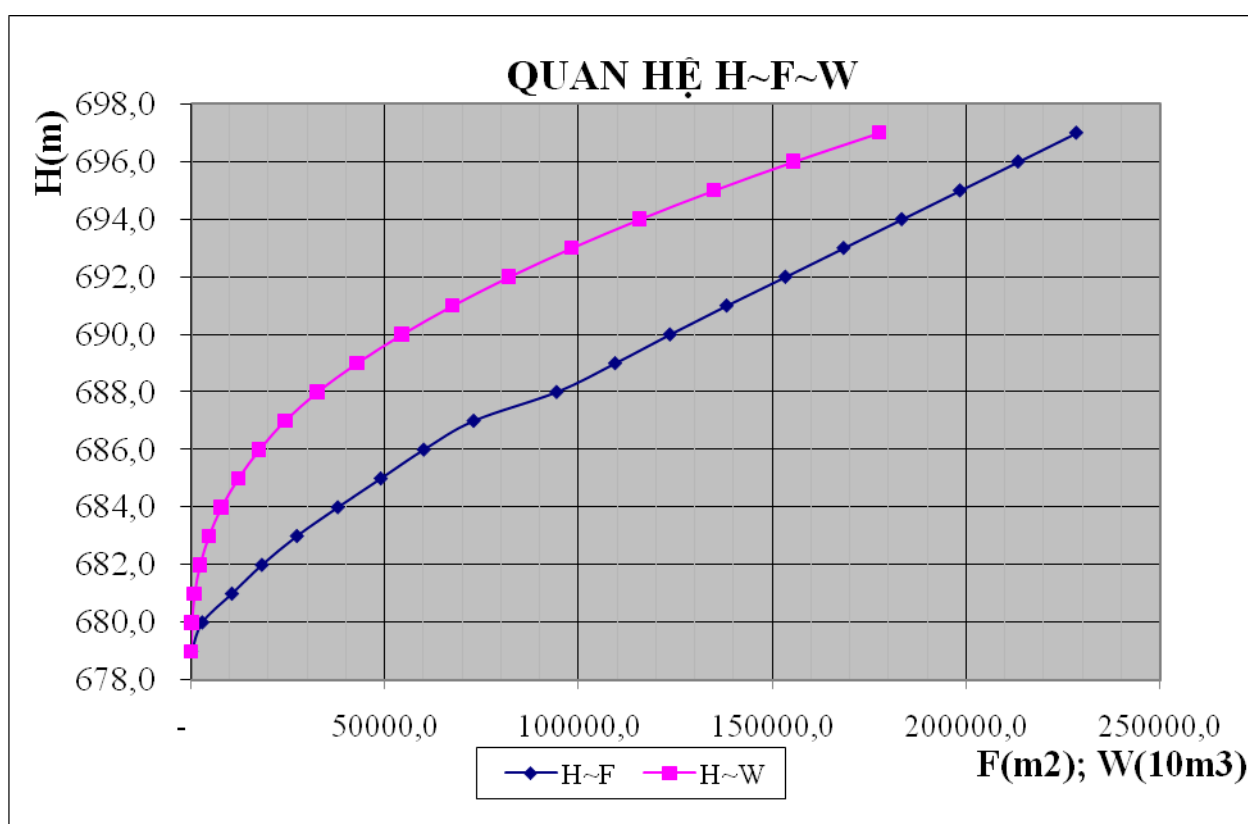
Ngày/Tháng	1/11	1/12	1/1	1/2	1/3	1/4
Đường phòng phá hoại (m)	690,26	690,26	689,77	688,19	685,67	682,66
Đường hạn chế cấp nước (m)	689,67	689,67	689,52	688,08	685,47	681,18

PHỤ LỤC III.2
BẢNG TRA VÀ BIỂU ĐỒ QUAN HỆ MỨC NƯỚC, DUNG TÍCH

1. Bảng tra quan hệ (H~V) và (H~F)

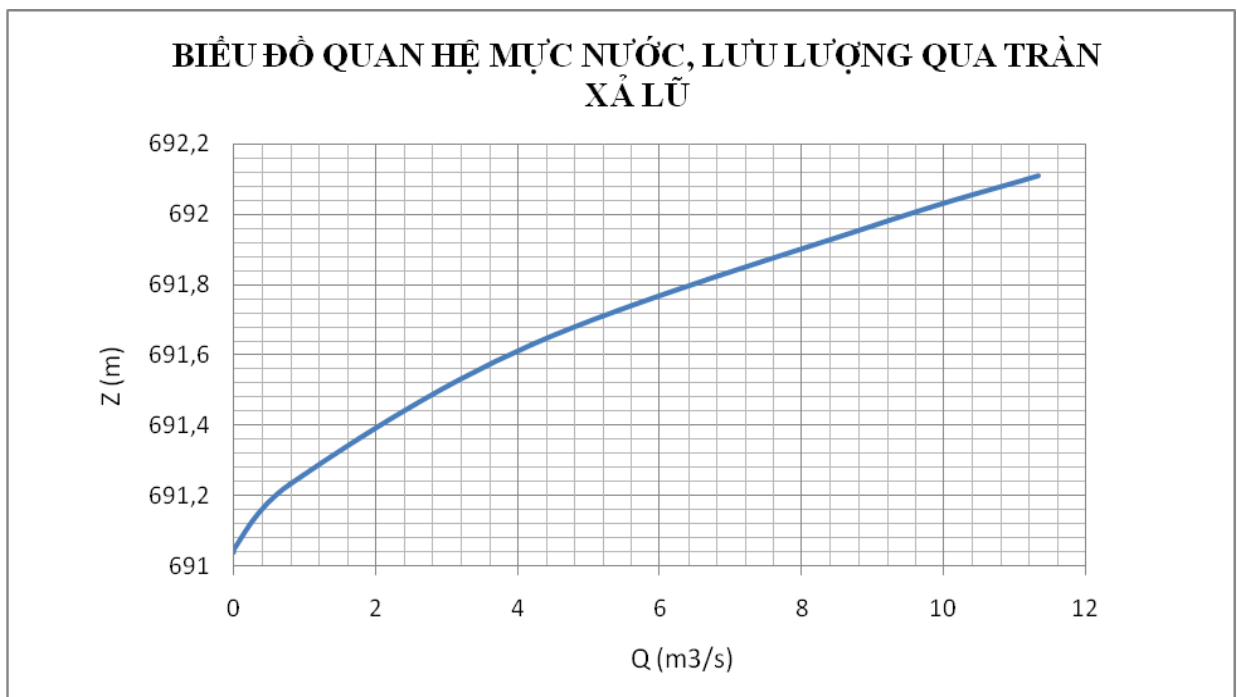
STT	H (m)	F (10 ³ m ²)	W (10 ³ m ³)
1	679,0	-	-
2	680,0	2.823	1.411
3	681,0	10.496	8.071
4	682,0	18.237	22.438
5	683,0	27.274	45.193
6	684,0	37.846	77.753
7	685,0	48.931	121.142
8	686,0	60.016	175.616
9	687,0	72.909	242.079
10	688,0	94.317	325.692
11	689,0	109.425	427.563
12	690,0	123.582	544.066
13	691,0	138.219	674.966
14	692,0	153.395	820.773
15	693,0	168.415	981.678

2. Biểu đồ quan hệ (H~F~W)



PHỤ LỤC III-3
BẢNG TRA QUAN HỆ MỨC NƯỚC, LƯU LƯỢNG QUA TRÀN XẢ LŨ

No	Z (m)	Q (m ³ /s)	H (m)
1	691,04	0,000	0,00
2	691,05	0,007	0,01
3	691,23	0,773	0,19
4	691,63	4,179	0,59
5	691,98	9,229	0,94
6	692,11	11,336	1,07



PHỤ LỤC III-4
BẢNG TRA QUAN HỆ MỨC NƯỚC, LƯU LƯỢNG QUA CÔNG LẤY NƯỚC ĐẦU MỐI

a(m)	0,047	0,141	0,235	0,329	0,47
Z(m)	Q (m ³ /s)				
681,00	0,015	0,16	0,45	0,81	1,55
681,50	0,018	0,19	0,55	0,99	1,90
682,50	0,023	0,25	0,71	1,28	2,46
684,00	0,029	0,32	0,90	1,62	3,11
686,00	0,036	0,39	1,11	1,98	3,81
688,00	0,041	0,45	1,28	2,28	4,40
690,00	0,046	0,50	1,43	2,55	4,92
692,00	0,051	0,55	1,57	2,80	5,39

BIỂU ĐỒ QUAN HỆ MỨC NƯỚC, LƯU LƯỢNG QUA CÔNG LẤY NƯỚC ĐẦU MỐI

